

Đào Văn Hội

PHONG TỤC MIỀN NAM

QUA MẤY VẦN CA ĐAO

**Giải thưởng văn chương năm 1962
Của Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia**

SONG MOI XUAT BAN

Lời Soạn Giả

Quyển “Phong Tục Miền Nam Qua Mấy Vần Ca Dao”, ra mắt độc giả lần đầu tiên năm 1961 do nhà sách Khai Trí xuất bản.

Năm 1962, quyển này được Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia tặng “Phần thưởng văn chương khuyến khích”.

Một thời gian đã trôi qua, nay nhà sách Khai Trí giao trả bản quyền cho soạn giả; thể theo lời yêu cầu của nhiều bạn đọc, chúng tôi nhượng quyền tái bản cho nhà sách Sống Mới.

Ước mong quyển ca dao nhỏ nhoi này cũng được tiếp đón với cảm tình lần trước

Sài Gòn Xuân Tân Hợi 1971

Đ. V. H.

Phong Tục Miền Nam Qua Mấy Vần Ca Dao

Những buổi chiều tà, rồi công rảnh việc, tránh tiết oi ả Sài Gòn, chúng ta về nơi ruộng rẫy, ngắm cảnh thiên nhiên và thưởng thức ngọn gió đồng.

Khói lam quyện trên mái xám, đàn cò vô tư lự đậu rải rác đó đây. Thoạt nhiên, trong nhà vọng ra tiếng hát lạnh lớt của đứa trẻ đưa em :

Chim bay về núi tối rồi

Em không lo liệu lấy nồi nấu cơm.

Đứa bé nhắc khéo mình về thành thị mà nơi nghỉ chó chi ! Không, chưa về vội, vì đêm càng xuống mau, gió càng mát mẻ.

Thái âm tinh quân lối dạng cõi trời đông, đồng ruộng tràn ngập ánh sáng vàng, nhưng kìa ai bảo :

Trăng tròn thì mặc tròn trăng,

Bậu xinh mặc bậu, bậu xứng anh chê !

Hay thay, anh nông phu chất phác cũng biết sánh với chị Hằng người gái đẹp mà trác nết lẳng lơ chẳng trọn niềm chung thủy, vì chị Hằng kia mặc dầu kiều diễm song thuộc tất cả mọi người.

Khách thong thả bước dọc ngôi vườn rộng, tàu tiêu lạch xạch đánh vào nhau, bỗng nghe một thiếu phụ mượn cảnh mà trút nỗi u hoài, trách ai tham đó bỏ đấng :

Gió đưa bụi chuối sau hè,

Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ !

Trong đám khách nhàn du, có đôi ba bạn, đồng bào Trung Bắc, cảm thấy hay hay khi nghe hát lên những câu cao dao miền Nam quê kịch...

Từ trước, đã có nhiều thi sĩ văn như sưu tầm ca dao cảnh vật Trung và Bắc Việt, thì nay chúng tôi, cũng vì mảnh tình đất nước và cũng vì các bạn nói trên mà mạo muội trình thiên khảo cứu thô thiển này, mặc dầu chúng tôi ít thấy hẹp nghe, lời lẽ thiếu vẻ thanh kỳ, mục đích là bổ cứu một phần nào, chớ chẳng có ý riêng rẽ.

Chúng tôi lại còn một nỗi lo âu là, trong thời đại nguyên tử, mạnh được yếu thua, mà nhắc đến những câu mộc mạc như :

Mẹ già ở tám lều tranh,

Đói no chẳng biết, rách lành không hay

không rõ còn có hợp thời chăng ?

Tuy nhiên, ca dao Nam Việt phản ánh cả tinh thần dân Việt miền Nam, và đã nhiều phen thúc đẩy đồng bào trên chính nghĩa :

*Anh ôi, phải lính thì đi,
Của nhà đơn chiếc đã thì có em.*

nó đã hun đúc biết bao liệt nữ anh hùng, cha lành, con thảo.

Thế thì, các lời ca ấy, dẫu muôn ngàn đời về sau, vẫn là mới mẻ, ta không thể lãng quên đi được.

Nhận Xét Chung Về Ca Dao

Trước hết, chúng tôi xin có vài lời nhận xét chung về ca dao.

Ca dao tức là những câu hát thông thường của dân gian, là sản phẩm của dân tộc, truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ kia, là tiếng nói của tâm hồn nam nữ ở những nơi đồng lúa, rừng rú, núi đồi.

Ca dao là những vở kịch muôn hồi, muôn cảnh, trong đó có tư tưởng của quân tử, hiền nhân, có lời khuyên răn của kẻ làm cha mẹ, có ý chí của vợ thảo, con hiền, có giọng tha thiết của kẻ chung tình, có tiếng thở dài của người thất vọng, có đủ giọng mỉa mai, dí dỏm, êm ái hay hùng hồn.

Ca dao là cả một xã hội : có cảnh gia đình đầm ấm vui tươi, có cảnh tang thương rời rã; ngoài ra, ca dao còn là những bức hoạt họa, đủ mọi màu sắc, đủ mọi cảnh trí.

Nhà xã hội học muốn hiểu rõ dân tộc Việt Nam, muốn biết những đặc điểm, những sở đoản sở trường, tâm lý và tư tưởng, hoài bão, xu hướng của người Việt Nam, thiết tưởng không gì bằng xem các câu ca dao, một nguồn tài liệu dồi dào, chắc chắn.

Những vấn đề bình đẳng, hy sinh, tự do, bác ái, những tư tưởng xã hội, tôn giáo, văn chương, chính ca dao của chúng ta đã từng đề cập và luận bàn.

Về phần văn chương thì ca dao là một lối văn cổ nhất của nước nhà, được phong phú hóa bằng hình thức văn thơ thuần túy Việt Nam, bóng bẩy mà tự nhiên, không hề mô phỏng một lối thơ ngoại lai nào.

Đặc sắc của ca dao, là tính cách nhẹ nhàng, tinh khiết như không khí trên núi cao, ngoài sông rộng, xán lạn như ánh bình minh, mát mẻ như ngọn gió chiều, dịu dàng, như bóng trăng mờ man ngọn cỏ.

Song le, cũng có lúc “cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu”, hoặc gay gắt như nắng mùa hè, hoặc sảng khoái như tiếng gọi của non sông.

Hơn ba trăm năm nay, đầy nhựa sống, đầy dũng cảm, người dân Việt, trong đà Nam tiến, đã chiến thắng Chiêm Thành, khắc phục Chân Lạp.

Đất Nam Việt thuộc người Nam mới ba thế kỷ thì những câu ca dao của chúng ta nghe truyền tụng trong dân gian mới có ba trăm tuổi thọ, chẳng sánh được với những ca dao miền Bắc đã phổ biến từ ngàn xưa.

Vả chẳng, nhiều câu ca dao ở Nam Việt cũng giống ở Bắc hay Trung Việt : vì thực ra, ba vùng vẫn thường được tiếp xúc nhau, thì tất cũng có những lời nói giọng hát ở một nơi loan truyền sang các nơi khác cũng là lẽ thường.

Bởi thế, ca dao Nam Việt, tôi muốn nói của người dân quê miền Nam, tất hàm chứa ít phần lịch sử.

Vả lại, đất đai miền Nam phong thịnh, khí hậu ôn hòa, nếu không có nạn chiến tranh thì dân Nam sống dễ dàng thông thả, không mấy khi khổ sở vì địa ách thiên tai; trên rày, khoai, bắp, đậu đủ ăn; dưới ruộng, dồi dào bông lúa; sông rạch, đầm ngòi, tôm cá chẳng thiếu chi.

Vì vậy, ca dao miền Nam không nhắc nhở nhiều tới sự cần cù khó nhọc; chúng tôi chỉ lược lật được năm ba câu khuyến khích sự gắng công.

Nói về khoa cử thì chỉ từ hồi Mạc Thiên Tích làm Đô Đốc trấn Hà Tiên, người Nam Việt mới bắt đầu chuộng văn chương và vị Tấn sĩ duy nhất miền Nam là cụ Phan Thanh Giản vậy.

Ngoài ra, ta còn kể được “Gia Định tam thi gia” tức là Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh và Trịnh Hoài Đức, xuất chính giúp Gia Long mở nền bình trị.

Gần đây, ta lại có những Bùi Hữu Nghĩa, tục gọi là Thủ khoa Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu cũng gọi là Đồ Chiểu, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị tức Cử Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, làm sáng rõ đàn văn, song đó chỉ là số ít, và cái học khoa cử, cái mộng làm quan đặng cho “võng anh đi trước, võng nàng theo sau” thì sĩ phu Nam Việt vẫn nhượng bộ đồng bào Trung, Bắc.

Rồi kể đến đại bác, chiến hạm, từ năm 1860, cũng làm cho thanh niên Nam Việt vút bút lông đi, cấp “bút chì” và không còn tha thiết với tầm chương trích cú.

Để ý nhận xét, ta thấy ca dao Nam Việt ít ca tụng vua quan, thỉnh thoảng ta mới gặp vài ba câu nói đến ơn vua lộc nước, nhưng ca dao ta lại rất giàu tình cảm, nhứt là hiếu hạnh đối với mẹ cha, và tình đầm thắm giữa phu thê, bằng hữu.

Bàn về thế sự, ca dao có một giọng châm biếm, thấm thía, chua cay...

Rồi, lúc cấy cày dưới ruộng, khi giã gạo trong sân, giữa trời thanh trăng tỏ, trai gái đôi đáp nhau, đố nhau những câu mà triết học gia, toán học gia, có lẽ cũng chịu là tài tình.

Lại có những câu trào phúng nghe không khỏi tức cười.

Trong khuôn khổ chật hẹp của thiên khảo cứu này, chúng tôi không có cao vọng trình bày ca dao về mọi phương diện : văn chương, lịch sử, văn phạm... như nhiều văn sĩ đã làm với một công phu đáng hoan nghinh.

Chúng tôi chỉ tạm phân ca dao Nam Việt ra từng loại, đơn cử năm mười câu làm tiêu biểu cho mỗi phần, nhân tiện gặp câu nào xét ra đã có nhiều sách vở chép sai hoặc nghe khẩu truyền thì xin mạn phép đính chính.

Với mục đích ấy, chúng tôi phân tách ca dao ra làm sáu mục, cho dễ hiểu và dễ nhớ :

1) Tả cảnh

2) Tu thân

- Cần lao
- Khuyến học
- Nhẫn nại
- Giao thiệp

3) Tình gia tộc

- Hiếu hạnh
- Dạy con
- Tình yêu
- Tình vợ chồng

4) Phong tục thôn quê

- Phong tục tổng quát
- Ca dao với thương mại
- Xem tướng

5) Ngoài xã hội

- Luận anh hùng
- Đoàn kết
- Thế sự

- ảnh hưởng Nho Thích
 - Châm biếm, hài hước
- 6) Những câu hát vặt
- Ca dao, sản xuất do tác phẩm
 - Nhàn du
 - Câu hát trẻ em
 - Thi đố

1) Ca Dao Tả Cảnh

Trước nhất, là những câu tả cảnh.

Về nghệ thuật này, dân quê ta thường thấy sao nói vậy, như vẽ một bức tranh thủy mặc, chấm phá vài nét đơn sơ :

*Chiều chiều én liệng trên trời,
Rùa bò dưới nước, khỉ ngồi trên cây.*

Câu sau có tiểu đối, đã có vẻ nên thơ.

Bức tranh có én liệng, có rùa bò, có khỉ ngồi, thật là linh động, nhưng tác giả chưa cho là đủ, lại điểm thêm :

*Chiều chiều vịt lội cò bay,
Ông voi bẻ mía, chạy ngay vô rừng.*

Tả cảnh miền rẫy lại có hai câu khác cũng hay :

*Ngó lên đám bắp trở cờ,
Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.*

Thật là gián tiếp có đủ các màu sắc. Còn khách nhàn du thời chẳng chịu ngồi yên :

*Rủ nhau xuống biển bắt cua,
Lên non bán nhạn, vô chùa nghe kinh.*

Với đề tài như vậy, họa sĩ có thể vẽ một bức tranh có non vàng, có biển bạc, trên sườn núi có chùa, rồi voi chạy vô rừng, khỉ ngồi giữa lá; trên rẫy thì bắp trở cờ, dưa trở nụ, khách nhàn du thời tản mát mọi nơi.

Tại đây, tôi xin mở một dấu ngoặc, và nhắc lại câu ta thường nghe hát :

*Con mèo con chuột có lông,
ống tre có mắt, nòi đồng có quai.*

Thật là hiển nhiên quá, có gì lạ đâu !

Nhưng một cụ già mà chúng tôi được hầu chuyện, cho biết rằng câu ấy truyền tụng sai, chính ra phải như sau mới đúng :

*Con gà con vịt cũng không,
Bóng tre có mát, ngoài đồng không ai.*

ấy là cảnh đồng buổi trưa vắng vẻ, nông phu đã về nhà, gà vịt tìm nơi tránh nắng, chỉ có khóm tre bóng mát, giữa cánh đồng rộng rãi, bao la...

Cũng trong đoạn văn tả cảnh này, chúng tôi xin nhắc lại một câu mà chúng tôi để ý đến trong quyển “Hương Hoa Đất Nước” của Trọng Toàn :

*Ba phen qua nói với điều,
Vườn hoa cỏ rậm thì nhiều gà con.*

Câu này, chúng tôi e rằng không được đúng, là vì, sanh trưởng ở Tân An (Long An), chúng tôi biết có câu :

Ba phen qua nói với điều,

Ngả kinh ông Hóng có nhiều vịt con.

Ông Hóng là một cự phú thời Gia Long.

Thuở Nguyễn ánh còn bôn đảo, một ngày kia, chiến thuyền của ngài đến đậu trên sông Vàm Cỏ Tây chảy ngang tỉnh Tân An, Nguyễn ánh thiếu lương thực, sai thị thần đến yêu cầu ông Hóng, ở làng Bình Lăng, Tân An, tiếp tế cho “một bữa cháo”.

Ông Hóng mới đào một con kinh từ nhà ông ta thông ra sông Vàm Cỏ, để thuyền của ông có thể chở lúa ra sông tiếp tế cho chúa Nguyễn.

Con kinh ấy gọi là “Kinh Ông Hóng”, ngày nay hãy còn, và thuở trước, trên kinh, người ta nuôi vô số vịt con, cho nên mới có câu ca dao trên kia vậy.

Lại một bạn đọc, người tỉnh An Giang (Long Xuyên – Châu Đốc) mách với chúng tôi rằng, nơi ấy có câu hát như vậy :

*Ba phen quạ nói với điều,
Cù lao ông Chuồng có nhiều cá tôm.*

Cù lao này nằm trên sông Hậu Giang chảy ngang tỉnh An Giang.

2) Tu Thân

Cần lao

Nay xin bàn đến phần thứ hai của ca dao miền Nam là tu thân và đoạn thứ nhất của tu thân là cần lao.

Đất Thủy Chân Lạp là đất mới, người Việt Nam lần lượt di cư vào đây từ thế kỷ XVII.

Mặc dầu Nam Việt là đất phì nhiêu, sông rạch nhiều tôm cá, song tay có làm thì hàm mới nhai, dân ta khuyến khích nhau làm việc :

*Có khó mới có mà ăn,
Không dùng ai để mang phần tới cho.*

Đây là lời khuyên những kẻ làm nghề hạ bạc :

*Ngồi rồi sao chẳng xé gai,
Đến khi có cá mượn chài ai cho.*

Trong gia đình, mỗi người đều có phận sự :

*Cha chài, mẹ lưới, con câu,
Chàng rể đóng đày, con dâu ngồi nò.*

Công việc của anh nông phu cũng vất vả chẳng kém gì :

*Chú kia nhỏ mạ trên cò,
Nước nôi không có miệng mồm lấm lem.*

Còn anh mục tử này, nào anh có sung sướng chi hơn :

*Trâu anh con cỡi con dồng,
Lại thêm con ghé cục lòng thằng chằng.*

Và anh lao công điều khiển chiếc thuyền chở đầy sản phẩm cũng cực khổ, hiểm nguy giữa dòng sóng bạc :

*Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi.*

Nhưng mà :

*Có vất vả mới thanh nhàn,
Không dùng ai để cầm tàn che cho.*

Xem ý kiến của anh thanh niên sau đây chọn bạn trăm năm, ta đủ biết quan niệm của anh thế nào đối với bạn cần lao :

*Một trăm con gái Thủ,
Một lũ con gái chợ anh không màng,
Cảm thương con gái ruộng cơ hàn nắng mưa.*

Hiện nay, tại núi Nứa, một hòn đảo thuộc tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa), mỗi khi dân cư cất nhà, đào giếng, đắp đường, không ai muốn ai bao giờ : anh chị em dưới ấy áp dụng phương pháp tương thân tương trợ, để tự phân công cho nhau mà tự túc, đúng với tinh thần câu ca dao :

*Con quạ tha lá lợp nhà,
Con cu chẻ lạt, con gà dùng phen.*

Khuyến học

Trong đạo tu thân, chúng tôi không quên sự khuyến học.

Tuy trên chúng tôi đã nói người Nam không tôn trọng khoa cử bằng sĩ phu Trung, Bắc, vốn lấy khoa cử làm chuẩn đích cho sự học hành, song thanh niên Nam Phần không phải là không chăm học, thường khuyên bảo nhau :

*Rừng nhu biển thánh khôn dò,
Nhỏ mà không học, lớn mò sao ra.*

Học để đền ơn cha mẹ :

*Bao giờ cá ý hóa long,
Đền ơn cha mẹ ấm lòng ngày xưa.*

Dầu không đổ đạt đi nữa thì cũng :

*Nghèo mà hay chữ thì hơn,
Giàu mà hay chữ như sơn thép vành.*

ít nhiều thiếu nữ có thành kiến rằng “người ta vác gĩa vay lúa không ai vác gĩa vay chữ”, nên chê bai nhóm sĩ phu mà dặn bảo nhau :

*Chị em ai này,
Đừng lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Chị em lại hỏi khó anh em học sinh :

*Gió năm non thổi lòn hang đế,
Tiếng anh học trò mưu kế để đâu ?*

Mấy anh cũng không phải tay vừa, gợn gàng đáp lại :

*Mưu kế anh để lại nhà,
Ai dè em hỏi đặng mà đem theo.*

Đối với những trò lao đao trường ốc, ca dao có những câu chế giễu :

*Lỡ quan, lỡ lính, lỡ làng,
Lỡ bề dân giả, lỡ hàng công khanh.*

Còn nói chi những ông quan khi xưa hách định, nay phải buổi suy tàn, thì thôi, chịu sao cho nổi thói đời mai mỉa :

*Nào khi lên võng xuống dù,
Kêu dân dân dạ, bây giờ dạ dân.*

Nhưng phải trọng sĩ phu nhiệt liệt bình vực học trò :

*Lọng che sương, dầu sừng cũng lọng,
(Cây) ô bịt vàng, dầu trọng cũng ô.*

ở đây, cây lọng tiêu biểu cho học thức cũng như cho chức vị, còn cây ô (tức cây dù) là dụng cụ của bất cứ một ai.

Thế thì một thư sinh, dầu nghèo túng, một viên quan thanh bản, lại chẳng đáng quý
đáng trọng hơn một anh trọc phú, hơn một cậu “công tử bột” sao ?

Nếu có hạng chị em chê học trò “dài lưng tốn vải” thì, trái lại, cũng có nhiều thiếu nữ :

*Quyết lòng chờ đợi trò thi
Dầu ba mươi tuổi lỡ thì cũng ưng.*

Chí hướng của các cô là :

*Dốc một lòng lấy chồng hay chữ,
Để ra vào kinh sử mà nghe.*

Chớ chẳng phải như ai :

*Dốc một lòng lấy chồng dốt nát,
Để ra vào rửa bát nấu cơm !*

Và đây là cảnh của đôi nam nữ thanh niên, đã cùng nhau thề vàng hẹn ngọc, nhưng
chưa nên vợ nên chồng :

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Chàng âu yếm bảo nàng :

*Quay tơ thì giữa mỗi tơ,
Dầu năm bảy mỗi cũng chờ mỗi anh.*

Chàng đã bảo thiếp như vậy, tiếp cũng :

*Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.*

Một thiếu nữ khác lại :

*Hai tay bưng quả bánh bò,
Giấu cha giấu mẹ cho trò đi thi.*

Một khi trò đã được tên ứng bảng vàng thì những thiếu nữ còn son nô nức điểm trang
đón tiếp :

*Tai nghe quan huyện đòi hầu,
Mua chanh cùng khế gọi đầu cho trơn.*

Lại có hạng thiếu nữ cẩn thận hơn, và có lẽ yêu chuộng những võ quan gươm vàng nắp
bạc.

Nếu : *Trai khôn tìm vợ chợ đông,*

thì : *Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.*

Thế mới biết những ai hy sinh xương máu để bảo vệ non sông, bao giờ cũng được hoan
nghinh, trọng đãi.

Trong mục khuyến học này, chúng tôi xin đính chính một câu ta thường nghe hát :

*Gió đưa mười tám lá xoài,
Bên vắn bên võ có tài hát thi.*

Nghe ra không có nghĩa lý chi cả !

Câu ấy thực ra là :

*Bảng treo tại chợ Cai Tài,
Bên vắn bên võ, có tài ra thi.*

Chợ Cai Tài là một chợ trong tỉnh Long An (Tân An cũ).

Nhấn Nại

Trong mọi việc, trên đường học vấn cũng như về trăm nghề, người ta cần phải kiên tâm, nhẫn nại, mới có thể thành công.

Ta hãy nghe mấy câu ca dao khuyên người bền chí, nhẫn nại :

*Phải cho bền chí câu cua,
Mặc ai câu trạnh câu rùa mặc ai.*

*Ai ơi, đừng chóng chó chày,
Gắng công mài sắt có ngày nên kim.*

*Ai ơi, giữ chí cho bền,
Mặc ai xoay hướng đổi nền mặc ai.
Thủng thủng mà lượm hoa rơi,
ở cho có chí hơn người trèo cao.*

*Ai ơi đã quyết thì hành,
Đã đốn thì vác cả cành lẩn cây.*

*Người đời ai khỏi gian nan,
Gian nan có thuở, thanh nhàn có khi.*

*Tới đây lạ xú lạ người,
Trăm bề nhẫn nại đừng cười tôi quê !*

Giao Thiệp

Trong việc xã giao, thế nhân cần phải khôn ngoan, lịch duyệt. Vì vậy, trong sự tiếp xúc hằng ngày, ca dao ghi chép nhiều câu ngộ nghĩnh :

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

*Chim khôn tránh bầy tránh dò,
Người khôn tránh kẻ hồ đồ mới khôn.*

*Chim khôn thì khôn cả lông,
Khôn cả cái lông, người xách cũng khôn.*

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*Kim vàng ai nỡ uốn câu,
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

*Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi,
Người khôn ai nỡ nặng lời mà chi.*

Đây là ảnh hưởng tốt đẹp của những người xử sự khôn ngoan :

*Chồng khôn vợ đặng đi giày,
Vợ khôn chồng ắt có ngày làm quan.*

Nếu tục ngữ Pháp có câu : “Dis-moi qui tu hantes, je te dirai qui tu es” (Anh cho tôi biết anh giao thiệp với ai, tôi sẽ nói anh là người thế nào) và “Qui s’assemble, se ressemble” (Gần nhau thì giống nhau), thì tục ngữ ta cũng nói : “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, và sách nho bảo rằng :

*Dữ thiện nhưn cư, như nhập chi lan chi thất,
Dữ bất thiện nhưn cư, như nhập bào như chi tử”.*

Có người đã dịch thoát như sau :

*Vào lan thất thơm lây chẳng biết,
Gần thảo ngu nhiễm hết mùi tanh.*

Ca dao ta nôm na hơn, song cũng đầy ý nghĩa :

*Người hiền khác thể chi lan,
Gần hơi cho lấm (?) lại càng thơm lây.*

Cho đến việc ăn uống tầm thường, dân ta cũng có những lời khinh bỉ các kẻ tham ăn, rượu chè :

*Miếng ăn là miếng tôi tàn,
Mất ăn một miếng lộn gan lên đầu.*

*Rượu kia nào có say người,
Hỡi người say rượu, chớ cười rượu say.*

Nhưng có khi anh chàng đệ tử Lưu Linh cũng cười chửi thẹn :

*Say là say nghĩa say nhân,
Say thơ Lý Bạch, say đàn Bá Nha (!)*

3) Tình Gia Tộc

3.1) Hiếu Hạnh

Trên kia, chúng tôi đã nói kho tàng ca dao ở miền Nam không dồi dào về phần sĩ, nông, công, thương, song đối với tình cảm thì lại vô cùng phong phú.

Đây, chúng tôi xin trình bày phần thứ ba là “Tình Gia Tộc”, và dành đoạn thứ nhất cho “Hiếu Hạnh” vì chữ hiếu của ta là một trong những nguyên tắc chính của văn hóa cổ truyền.

Điều nên nhắc lại là “Lục Tỉnh” mới hoàn toàn thuộc bản đồ Việt Nam ba trăm năm nay thì Nho Học làm sao bì kịp đất Thăng Long ngàn năm văn vật.

Song le, một là lúc Nguyễn Trãi tranh phong, trong đám người di cư vào Nam có trà trộn ít nhiều cụ đồ, kẻ bọn người Tàu đến sanh cơ lập nghiệp, đem văn hóa Trung Hoa gieo rắc miền Lục Dã Định Tường.

Rồi sao mới xuất hiện mấy bậc thâm nho, khiến nhân dân hấp thụ được tinh thần Tam Giáo.

Với tinh thần ấy, người Nam đất Việt rất thiết tha gia đình, tôn trọng Trời Phật, nên ca dao ta về các vấn đề này nhiều kẻ sao cho xiết.

Đây, lời than của người đi tìm sinh kế phương xa :

*Vắng nghe chim vịt kêu chiều,
Âng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.
Thương thay chín chữ cù lao,
Tam niên nhũ bộ biết bao nhiêu tình.*

Nghe câu than ấy ai mà không cảm động !

Ta hãy nghe câu hát của người binh sĩ nhớ mẹ già :

*Mẹ già ở tám lều tranh,
Đói no chẳng biết, rách lành không hay !*

Tục truyền có một vị quan, nghe câu hát ấy, bảo người binh sĩ sửa lại như sau :

*Mẹ già ở tám lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Theo ý người, như thế mới là hợp với hiếu đạo cho, song chúng tôi xin không đồng ý với người, vì các bạn binh sĩ mắc chơn quân chơn lính thì làm sao mà sớm viếng tối thăm mẹ già cho đặng, mà không than thở như trên.

Một hiếu tử khác chạnh lòng nhớ mẹ đã gác đầu về núi :

*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm bún, lưỡi lừa cá xương.*

Trông lên bàn thờ nhang tàn lửa tắt, lòng nào mà chẳng động lòng bi thương :

*Ngó lên nhang tắt đèn lờ,
Mẫu thân đầu vắng bàn thờ lạnh tanh.*

Rồi khi chịu cực chịu khổ nuôi con, càng rõ lòng tám hiền mẫu :

*Lên non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.*

Lòng mẹ thương con, hy sinh vì con, thật là vô bờ bến.

Đã là người Việt, không mấy ai không rõ :

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chày, thức đủ về năm.*

Câu ca dao này có một âm điệu réo rắt, đã được phổ vào âm nhạc cổ miền Nam.

Tình cha mẹ yêu con như thế, cho nên mặc dầu mô đạo từ bi, hiếu tử không nỡ bỏ mẹ già mà xuất gia đầu Phật :

*Vô chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đành.
Để tự an ủi, hiếu tử đành tự nhủ rằng :
Thứ nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.
Và hơn nữa :
Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu.*

Thậm phải, ta nên hoan nghinh người con chí hiếu nhịn mặc nhịn ăn để bồi máy may công ơn trời biển :

*Ba tiền một khúc cá buôi,
Cũng mua cho đặng mà nuôi mẹ già.*

*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.*

Đối với song thân, con cái đều cung kính, nên thường nhắc nhở tới cả cha lẫn mẹ :

*Ngó lên trời thấy cặp cu đương đá,
Ngó ra ngoài biển thấy cặp cá đương đua.
Đi về lập miếu thờ vua,
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha.
Ơn cha nặng lắm ai ơi,*

Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.

Chúng ta ai cũng biết :

*Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đèn đút dây.*

*Mất cha con cũng u ơ,
Mất mẹ con cũng bơ vơ một mình.*
Tình cảnh người con cô thật là long đong, điêu đứng !
*Bạc bẫy đâu sánh vàng mười,
Mồ côi đâu sánh cùng người có cha.*

Là vì :

*Còn cha gót đỏ như son,
Một mai cha thác gót con chôn bùn.*

Bởi vậy, nên có câu vô cùng tha thiết :

*Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Câu cho cha mẹ sống đời với con.*

Cũng cảm động lời van xin của đứa trẻ thơ, tuy chịu đường roi vọt, song không hề phiến trách mẩu thân :

*Má ơi đừng đánh con đau,
Để con hát bội làm đào má coi ;
Má ơi đừng đánh con hoài,
Để con nấu cá nấu xoài má ăn.*

Trước cảnh thiếu phụ góa chồng định bước thêm bước nữa, đứa con lại mượn lời con quạ, mượn cảnh trời mưa, bong bóng vỡ tan như hạnh phúc mà can mẹ chớ đành lòng rời bỏ đứa con cô :

*Con quạ nó đứng bên sông,
Nó kêu bó má lấy chồng bỏ con.
Trời mưa bong bóng bập bồng,
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai.*

Nhưng có khi mắc phải đứa con bất hiếu, mẹ già cũng buồn lòng thở than :

*Cha mẹ nuôi con như biển Hồ lai láng,
Con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày !*

3.2) Dạy Con

Kể tình cha mẹ thương con, gian lao khổ cực, dưỡng dục con từ thuở bé thơ, thì tình sâu như biển mà nghĩa nặng bằng sơn, cho nên dân ta phổ tình nghĩa ấy vào câu hát :

*Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ dạy thuở ban sơ mới về.*

Lúc còn thơ ấu thì cha mẹ dạy con đứng đi cho tề chỉnh :

*Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây !*

Tha thiết dặn dò con đừng nhạo báng bất cứ một ai :

*Cười người chớ khá cười lâu,
Cười người tháng trước, tháng sau người cười.*

Chẳng bao giờ nên quên người đã thi ân cho ta, như thầy ta chẳng hạn, phải tìm dịp mà đền đáp ơn người :

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,

*Nào ai vun quén cho mày được ăn.
Ai ai cũng biết rằng con phải tuân lời cha mẹ dạy răn, vì là :
Cá không ăn muối cá ươn,
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.
Con có lỗi lầm việc chi tai hại, mẹ dùng câu hát răn con :
Một lần cho tổn tới già,
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chơn.*

Mẹ dạy con gái

Con gái lớn lên, mười lăm mười bảy, thì mẹ đã căn dặn giữ gìn nét na cho đoan chính :
*Ra đi mẹ có dặn rằng,
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

Chùng có đôi bạn rồi thì :

*Con gái có hai bến sông,
Bến đục thì chịu, bến trong thì nhờ.
Trong nhờ đục chịu, không nên “lộn nài tháo ống” mà mang tiếng là gái lộn chông :
Trăm năm trăm tuổi may rủi một chông,
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai !*

Thiếu nữ nào vẹn toàn công ngôn dung hạnh thì kẻ kính người vì, chớ ai có màng chi người đẹp mà trác nét lẳng lơ :

*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người.*

Cha Dạy Con Trai

Với con trai thì cha bảo làm sao cho tròn nhưn đạo :

*Công cha nghĩa mẹ chớ quên,
Ơn vua lộc nước mong đền con ơi.
Nhu vậy mới gọi rằng trai,
Trên lo nghĩa chúa, dưới mài thảo thân.*

Cha lại còn nhắc nhở :

*Chữ rằng hổ tử lưu bì,
Làm người phải để danh gì hậu lai.*

Và :

*Làm sao giữ trọn đạo ba,
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.*

Trong sự lập thành gia thất, cha mẹ dặn con, đối với cha mẹ vợ, cũng luôn luôn đối đã cho ra vẻ con nhà :

*Tôi đây thủ lễ nghiêm mình,
Dầu không đặng vợ cũng tình mẹ cha.*

Rủi cơm không lành canh không ngọt thì :

*Bình phong cần ốc xa cừ,
Vợ hư để vợ đừng từ mẹ cha.*

3.3) Tình Yêu

Nói về hiếu hạnh và phụ mẫu chi tình biết sao cho cùng tận.

Giờ chúng tôi xin trình bày mấy câu về ái tình giữa đôi thanh niên nam nữ.

Trên giải đất màu mỡ này, dưới đồng trên rẫy, có thể nói là một xứ hoàn toàn sống nhờ nghề nông, câu hát giọng hò dưới trời, trong gió mát, thường làm cho nông phu quên mệt nhọc :

*Tôi đây chẳng hát thì hò,
Chẳng phải như cò ngóng cỏ mà nghe.*

Và trong sự đụng chạm hằng ngày giữa nam nữ thanh niên sao cho khỏi nảy sinh một mối ái tình, ái tình trong sạch, không vượt ra ngoài vòng phong hóa lễ nghi.

Chọn Đá Thử Vàng

Ban sơ, vì rằng :

*Muốn lên non tìm con chim lạ,
Chớ chốn thị thiềng chim chạ thiếu chi.*

Nên chàng trai tỏ nỗi ước mong :

*Lên non chọn đá thử vàng,
Thử cho đúng lượng mấy ngàn cũng mua.*

Rồi, mặc dầu đã gặp ý trung nhân là một thiếu nữ đức hạnh vẹn toàn, chàng còn cẩn thận, dọ thử lòng nàng xem sao :

*Đến đây dầu dổi giả no,
Dầu khôn giả dại dặng dò ý em.*

Nếu may mắn gặp nàng thì chàng vội ngỏ lời tán tỉnh :

*Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
Bậu xinh bậu đứng một mình cũng xinh.*

Và :

*Tóc em dài, em cài bông hoa lý
Miệng em cười có ý anh thương.*

Hai câu ca dao tuy mộc mạc này nhưng hữu tình hữu ý có thể sánh với mấy câu Kinh Thi :

*Quan quan thư cưu,
Tại hà chi châu,
Yểu điệu thục nữ,
Quân tử hảo cầu.*

Xin tạm dịch :

*Thư cưu tiếng rộn bên sông,
Khéo thay thục nữ anh hùng đẹp đôi.*

Nàng chẳng phải là hạng hoa tường liễu ngõ, cho nên vẫn giữ vẻ nghiêm nghị đối với chàng :

*Xăm xăm bước tới cây chanh,
Lăm le muốn bẻ, sợ nhành chông gai.*

Thâm Nghiêm Kín Công

Vả lại, thâm nghiêm kín công, cao tường, chàng phải thổ than :

*Thấy em như thấy mặt trời,
Thấy thời thấy vậy (mà) trao lời khó trao.*

Và :

Tìm em như thể tìm chim,

Chim ăn biển bắc, đi tìm biển đông.

Chàng không biết làm sao, mới :

*Lên non bẻ lá họa hình,
Họa cho thấy mặt kẻ tình nhớ thương.*

ái tình bộc lộ luôn cả trong giấc ngủ :

*Đêm nằm tơ tưởng tưởng tơ,
Chiêm bao thấy bậu dậy rờ chiếu không !*

Chàng tỏ lời khuyên ai nên lựa người mà “trao tơ phải lúa, gieo cầu đáng nơi”, vì :

*Ngồi bên cửa sổ chạm rờng,
Chăn loan gối phụng không chông cũng hư.*

Chàng lấy câu hiểu đạo mà nhấn nhủ :

*Con cá đối nằm trong cối đá,
Chim đa đa đậu nhánh đa đa.
Anh biểu em đừng lấy chồng xa,
ở nhà cha yếu mẹ già,
Bát cơm ai đỡ, kỷ trà ai nâng.*

Câu ca dao này đối từng vế, lại là một lời khuyên chí lý chí tình, hiếm có vậy thay !

Gã si tình tỏ tình yêu đương một cách rõ rệt :

*Cây trên rừng hóa kiếng,
Cá dưới biển hóa long,
Con cá lòng tong ẩn bóng ăn rong;
Anh đi lục tỉnh giáp vòng,
Đến đây trời khiến đem lòng thương em.*

Muốn đặng gần người ngọc, chàng không ngần ngại chi mà chẳng hạ mình, tạo một cảnh vừa buồn cười, vừa thương hại :

*Đi ngang nhà má,
Tay tôi xá, cẳng tôi quỳ,
Lòng thương con má, sá gì thân tôi.*

Đối với thiếu nữ, chàng lại vỗ về, khuyến khích :

*Hai đứa mình đành,
Phụ Mẫu cũng đành.*

Cha mẹ đâu nỡ dứt duyên lành của con. Nhưng trước những khó khăn, khi thì chàng tự an ủi :

*Thôi thôi bớt thăm giã sàu,
Gối loan chẳng đặng giao đầu thôi thôi !*

*Lửa nhen vừa mới bén trầm,
Trách lòng cha mẹ nỡ cầm duyên con.*

Có lúc nổi thất vọng tràn trề làm cho chàng muốn mượn nước canh dương mà rưới tắt lửa tình :

*Củ đậu nấu đậu ra dầu,
Lấy em không đặng cạo đầu đi tu !*

Vì tình yêu quá ư bùng bột mà anh chàng lắm lúc có thái độ sỗ sàng, thì nàng bảo hẳn :

*Thôi thôi buông áo em ra,
Để em đi chợ kẻ mà chợ trưa.
Thôi thôi buông áo em ra,
Để em đi bán kẻ hoa em tàn.*

Nhưng chàng một hai gấn bó :

*Hoa tàn thì mặc hoa tàn,
Anh mới gặp nàng, nàng bảo anh buông.*

(Anh đây như thể) :

*Rượu nằm trong nhạo chờ nem,
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.*

Với chàng tư cách đứng đắn, thiếu nữ không thể nặng lời, song cũng hoài nghi, lưỡng lự mãi :

*Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước, (biết) gửi mình vào đâu.*

Nàng tử thân mình như tấm lụa đào, như hạt mưa rào, như hạt mưa sa :

*Thân em như tấm lụa đào,
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai ?*

*Thân em như hạt mưa rào,
Hạt sa bãi cát, hạt vào vườn hoa.*

*Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đồng nội, hạt sa vũng lầy.*

Mặc dầu anh chàng không nản lòng thối chí, nàng phải tỏ phận mình là con nhà gia giáo lễ nghi :

*Bông ngâu rụng xuống cội ngâu,
Em còn phụ mẫu dám đâu tư tình.*

*Phụ mẫu sở sanh,
Để cho phụ mẫu định,
Em đâu dám tư tình,
Cải lệnh mẹ cha.*

*Phụ mẫu sở sanh,
Để cho phụ mẫu định,
Trong việc vợ chồng, chờ lệnh mẹ cha.*

Toại Nguyễn

Song anh chàng gán bó mãi, thiếu nữ rồi cũng xiêu lòng :

*Chuông già đồng điệu chuông kêu,
Anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.*

Tuy vậy, nàng chưa hề suồng sã :

*Gặp mặt anh đây em chẳng dám chào,
Sợ cha mẹ hỏi, thằng nào biết con.*

Đến chừng đôi bên đã hiểu nhau thì có mấy lời hứa hẹn :

*Sông dài cá lội biệt tăm,
Phải duyên phu phụ ngàn năm cũng chờ.*

*Chim chuyền nhành ớt lú lo,
Lòng thương quân tử ốm o gầy mòn.*

Trăm năm ai chớ bỏ ai,

Chỉ thêu nên phụng, sắt mài nên kim.

*Ròng châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai,
Nước sông trong chảy lộn xộn sông ngoài,
Thương người xa xứ lạc loại đến đây.*

Bây giờ lòng đã rõ lòng thì bao nhiêu khổ cực nào có ngại chi miễn là chàng thiếp đặng gần :

*Thương nhau tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát giang cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.*

Trái hẳn với lời than vãn buổi đầu tiên :

*Đèo nào cao bằng đèo Châu Đốc,
Đất nào dốc bằng đất Nam Vang;
Một tiếng anh than đôi hàng lụy nhỏ,
Có chút mẹ già biết bỏ cho ai !*

Đôi thanh niên nam nữ trao đổi với nhau những câu đậm đà tha thiết :

*Cây da cũ,
Con én rữ,
Cây đa tàn,
Bao nhiêu lá rụng, (anh) thương nàng bấy nhiêu.*

*Giả đồ mua khế bán chanh,
Giả đi đòi nợ, thăm anh kẻ buồn.*

Những lúc chia tay :

*Thương nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.*

Mặc dầu mẫu thân nghiêm khắc, gạn hỏi con vì áo mặc trong mình mà gió bay đi được thì thật là vô lý.

*Gió bay cầu thấp cầu cao,
Gió bay cầu nào con chỉ mẹ coi.*

Cái cảnh tài tử giai nhân như sau đây, kể ra cũng thắm thía :

*Ba phen lên ngựa mà về,
Cầm cương níu lại, xin đề câu thơ.
Câu thơ ba bốn câu thơ,
Câu đơi, câu chờ, câu nhớ, câu thương.*

Chỉ có bốn câu chất phác mà ta thấy trong đấy cả Đồ Chiểu lẫn Tiên Điền.

Mối Hiệp Đà Tan

Song cuộc đời có hiệp có tan, không có chi là trường cửu.

Tội nghiệp người thiếu nữ mang nặng khối tình mới mắt trông ai ?

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người áo trắng khăn điều vắt vai.*

*Anh đi đàng ấy xa xa,
Để em ôm bóng trăng tà năm canh;
Ai đi bờ đắp một mình,
Phát phơ chéo áo giống hình lang quân.*

*Anh về Giồng Dứa qua truông,
Gió lay bông sậy để buồn cho em.*

Tình trạng này cần phải chóng được hợp thức hóa, không nên để duy trì :

*Trời mưa vắn vữa,
Ngó xuống Âm phủ,
Đá dựng tu bề;
Làm sao cho trọn nghĩa phu thê,
Đây chồng đó vợ đi về có đôi.*

Rời Rã

Đôi nhân tình có khi tạo cảnh gia đình đầm ấm vui tươi, nhưng lại có khi vì một lẽ gì, mà :

*Anh đi đàng anh tôi đi đàng tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi !*

Lỗi ấy tại nơi ai ?

Tại bên nam ư ?

Ta hãy nghe lời than phiền bên nữ :

*Nào khi nặng gánh em chờ,
Qua truông em đợi, bây giờ phụ em !*

Và thái độ của người thanh niên như vậy có phải là đáng trách chăng ?

*Nhận đậu cành thung,
Giương cung bắn nhận;
Con nhận lụy rồi, làm bạn với ai ?*

Không, anh không thương tiếc chi người cố cựu vì anh dạng mới nói cũ, mà người mới của anh nào có giá trị gì :

*Lựa mười lăm (anh) chê rằng lựa vụn,
Anh mắc lựa hồ, đành bụng anh chưa ?*

Người bị phụ tình nhắn nhủ :

*Anh đừng ham bông quế,
Mà bỏ phé bông lái;
Mai sau quế rụng, bông lái thơm dai.*

Rồi nàng buông lời than thở :

*Ngôi nhân mỏng dánh,
Nhu cánh chuồn chuồn;
Khi vui nó đậu, khi buồn nó bay;
Đường dài ngựa chạy cát bay,
Ngôi nhân thăm thẳm một ngày một xa !*

Có lẽ tại nàng nghèo, cho nên chàng mới tham đặng bỏ đó :

*Thiếp than cha mẹ thiếp nghèo,
Thiếp than phận thiếp như bèo trôi sông.*

Nàng càng nghĩ càng tủi hổ cho thân :

*Gió đưa buồm hạnh rảnh rang,
Tiếng nơ thiếp chịu, để chàng danh thơm.
Trách lòng quân tử bia danh,*

Chơi hoa rồi lại bẻ nhành bán rao !

Và thốt lời hối hận :

*Ở xa không biết nên làm,
Bây giờ rõ lại vàng cầm cũng buông
Lại mạnh dạn tỏ cho ai biết là nàng không sợ lỗ làng đâu :
Sông sâu nước chảy ngập kiêu,
Dầu anh có phụ còn nhiều nơi thương.*

Lỗi về phần thiếu nữ

Bây giờ đây là tại anh nghèo :

*Gặp mặt anh đây em chẳng muốn chào,
Hay là em có chốn sang giàu hơn anh ?
Đã chê anh nghèo, không xứng đáng kết duyên phu phụ cùng em thì thôi :
Chọn nơi sang cả,
Tía má gả em nhờ;
Anh đây nghèo khổ, biết chờ đặng không ?*

Em hãy vui lòng mà theo môi phú quý :

*Gió đưa bông lách bông lau,
Gió đưa em bậu xuống tàu Ăng-lê.
Có lẽ nàng không được chính chuyên, cho nên anh mới chán chê nàng :
Trống treo ai dám đánh thùng,
Bậu không ai dám giở mùng chun vô.*

*Trăng tròn thì mặc tròn trăng,
Bậu xinh mặc bậu, bậu xứng anh chê !*

*Bậu nói với qua bậu không bẻ lựu hái đào,
Lựu đâu bậu bọc, đào nào cầm tay ?*

Thật là mỉa mai :

*Gần sông cội mới ngã kè,
Tiếng tăm anh chịu em về tay ai !
Và anh buông một tiếng thở dài, ai nghe mà không xót dạ :
Trăm năm dầu lỗi hẹn hò,
Cây đa còn đó con đò khác đưa.*

Chán nản, anh nhất định vĩnh viễn xa nàng và thề chẳng bao giờ còn gặp lại nhau :
*Chùng nào đá nổi vông chìm,
Muối chua chanh mặn, mới tìm đặng anh.*

Tại mai dong

Có khi xa nhau chỉ bởi tại mai dong :

*Cây oản vì bởi trái sai,
Xa em vì bởi ông mai ít lời.

Xấu tre uống chẳng nên cần,
Xấu mai anh chẳng đặng gần với em.*

*Lộ bất hành bất đáo,
Chung bất dã bất minh.
Bây giờ anh mới rõ tình,*

Tại bà mai ở độc, hai đứa mình xa nhau.

3.4) Tình chồng vợ

Nói đến ái tình giữa thanh niên nam nữ, chúng tôi không quên nhắc rằng do sự tình cờ gặp gỡ mà có khi nên vợ nên chồng.

Ta lại nên nhớ rằng : tình yêu giữa đồng bào bình dân là một mối tình chân chính thường đưa tới hôn nhân.

Trên sông gặp gỡ

Độc giả hãy tưởng tượng một buổi chiều trên dòng sông, dông mưa đe dọa, trời đất tối tăm, hai chiếc thuyền buồm chiếc sau chiếc trước, chậm chậm tiến trên làn sóng bạc.

Màn cảnh này không phải là hiếm tại Nam Việt, là nơi có nhiều sông rạch.

Thoạt trong thuyền trước, kìa ai cất tiếng hát lên :

*Bớ ghe sau, chèo mau anh đợi,
Kéo đông tới rồi, trời lại tối tăm.*

Thuyền sau có người hát đáp :

*Bớ ghe ai, chờ đợi em cùng,
Ghe em chở nặng, vầy vùng không lên.*

Sau năm ba câu trao đổi, đôi chàng được quen nhau và một thời gian sau, nên duyên cầm sắt.

Phận gái chữ tòng

Nếu có cô thiếu nữ :

*Vai mang khăn gói thẳng xông,
Mẹ kêu mặc mẹ, theo chồng (con) phải theo.*

thì lại có nàng từ giã song thân để cất bước theo chồng theo phong tục, lễ nghi :

*Rượu lưu ly chơn quỳ tay rót,
Cha mẹ uống rồi, dôi gót theo anh.*

Có người hỏi :

*Ghe bầu trở lái về đông,
Con gái theo chồng bỏ mẹ ai nuôi ?*

Thì nàng trả lời :

*Mẹ tôi đã có người nuôi,
Tôi theo chú lái cho xuôi một bè.*

Là vì phận gái chữ tòng :

*Con vua lấy thàng bán than,
Nó dất lên ngàn cũng phải đi theo.*

Ta hãy nghe thiếu nữ tỏ nỗi lòng qua câu hát ví :

*Lầu nào cao bằng lầu ông Chánh,
Bánh nào trắng bằng bánh bò bông,
Đạo nào sâu cho bằng đạo vợ chồng,
Năm đêm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi.*

và :

*Đạo nào bằng đạo phu thê,
Tay áp mà kè, sanh tử có nhau.*

Gia đình đầm ấm

Đây là cảnh vợ chồng hưởng hạnh phúc gia đình, trong êm ngoài ấm :
“Giá thú bất khả luận tài” và cưới dâu chỉ cốt được người hiền đức, cho nên :
Phụng hoàng đầu đỏ mỏ đen,
Ra đi phụ mẫu dặn, gặp em kết nguyên.
bởi em là người vẹn toàn tú đức :

*Trắng như bông lòng anh không chuộng,
Đen tợ than hàm lòng muốn dạ ưng.*

*Gió đưa gió đẩy bông trang,
Bông búp về nàng, bông nở về anh.*

*Sóng bên doi bỏ vôi bên vịnh,
Đôi đũa mình trời định đã lâu.*

*Song song đôi cửa để cho em gài,
Dầu mưa gió tạt, tạt ngoài mái hiên.*

*Trăm năm ước bạn chung tình,
Trên trời dưới đất có mình với ta.*

*Chùng nào đá nát vàng phai,
Biển Hồ lấp cạn mới sai lời thề.
Trăm năm lòng gắn dạ ghi,
Dầu ai đem bạc đổi chì cũng không.
Quạ kêu nam đáo nữ phòng,
Người đứng khác họ đem lòng nhớ thương.
Chỉ điều ai khéo vấn vương,
Mỗi người một xứ mà thương nhau đời.*

*Chim quyên ăn trái nhãn lòng,
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

Tình nghĩa vợ chồng đậm đà xiết bao, vợ quá yêu kính chồng nên có khi thốt ra những lời đáng chê, song đó chỉ là một vô ý thức của một lúc hạnh phúc say sưa :

*Mẹ cha bú mớm nâng niu,
Tội trời thì chịu, không yêu bằng chồng.*

Nếu tôi không làm thì, với ý trung nhân, người thanh niên Pháp, để tỏ tình yêu đương, thốt ra câu : “Tôi thương nàng hết lòng hết dạ” (Je vous aime de tout mon coeur). Hoặc là : “Tôi thương nàng hơn cả tám thân tôi” (Je vous aime plus que moi-même).

Thanh niên đồng quê ta, về tình yêu, thiết thực hơn, song kết quả cũng làm cho người thương mát dạ :

*Than rằng gói gắm không êm,
Gói lụa không mềm bằng gói tay em.*

Ngôi đình là tòa nhà to nhất trong làng, thế mà, khi anh chị dặt nhau đi lễ thần, cùng nhau đứng trước sân đình, xem hoa ngắm cảnh, chồng nhìn vợ và ấu yếm bảo rằng :

*Đôi ta đứng trước sân đình,
Đình bao nhiêu ngói (anh) thương mình bấy nhiêu.*

Anh lại thương em từ ngàn xưa nữa kia :

*Sao vua chín cái năm kê,
Thương em hỏi thuở mẹ về với cha.*

*Sao vua chín cái năm ngang,
Thương em hỏi thuở mẹ mang trong lòng.*

Đối với vợ chồng rất là nhân nhượng :

*Lên xe nhường chỗ (con) bạn ngồi,
Nhường nơi bạn dựa, nhường lời bạn trao.*

Nàng dâu mụ gia

Cái cảnh làm dâu không phải là không cay đắng, nhưng chúng tôi xin nói ngay rằng lời nhận xét này chỉ đúng với ít nhiều tục lệ xưa, mà có lẽ nay không còn nữa :

*Trách cha trách mẹ nhà chồng,
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau,
Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.*

Anh chồng chỉ có nước khuyên dỗ :

*Vàng thời thử lửa thử than,
Người khôn thử tiếng, người ngoan thử lời.*

Tội nhút là bà gia, lẽ đâu bà quên rằng :

*Con gái là con người ta,
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.*

Nhiều bà mẹ chồng xưa bắt nhặt bắt khoan, một niềm cay nghiệt, cho nên nàng dâu mới bực tức thốt ra những lời quá đáng :

*Chồng thương chẳng nệ chi ai,
Đũa bếp cho dài, gắp cổ mụ gia,
Thương chồng phải khóc mụ gia,
Gẫm tôi với mụ có bà con chi !*

Thấy vợ buồn rầu, chồng khuyên hỏi :

*Chỉ tơ rối rắm trong cuồng,
Rối thì gỡ rối, em buồn việc chi ?*

Vợ đáp :

*Em buồn vì nổi vân vi,
Bạc lộn với chì, đôi chẳng xứng đôi.*

và hỏi lại :

*Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng,
Cau khô ăn với trầu vàng xứng chăng ?*

Ngay đũa bát còn có khi xô xát, huống chi vợ chồng, tất có lúc cũng to tiếng cùng nhau, nhưng :

Đốn cây ai nỡ dứt chồi,

Đạo chồng nghĩa vợ, giận rồi lại thương.
Anh chồng nào nữ nhẫn tâm với vợ, một khi nàng đã thốt :
Đang tay đánh thiếp sao đành,
Tấm rách ai vá, tấm lành ai may ?
Trong đạo vợ chồng, mỗi người nên nhịn nhau một chút :
Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi bớt lửa, một đời không khê (khét).

Ghen tuông

Vấn biết, “nhân vô thập toàn”, ai chẳng có những thói hư tật xấu, đàn ông thì trách đàn bà hay ghen tuông :

Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.
Vôi nào là vôi không nong,
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.

Những đàn bà ghen phải đâu là ghen vô cớ, vì :

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng.

và :

Đàn ông năm bảy lá gan,
Lá thì cùng vợ, lá toan cùng người.

Tâm lý con người thật là phức tạp :

Tối đây lạt miệng thêm chanh (!)

Mặc dầu là :

Ở nhà đã có cam sành chín cây.
mới lạ ! cho nên, thiếu phụ chê bai thái độ chàng không đàng hoàng là phải :
Chợ chiều nhiều khế ế chanh,
Nhiều con gái lạ nên anh chàng ràng.

Vợ đẹp để lại hiền đức mà anh phụ phàng, anh lại đi nhân tình nhân gái với người không ra gì :

Đũa mun bịt bạc anh chê,
Đũa tre lau cạnh anh mê nổi gì ?

Cam sành (anh) chê đắng chê hôi,
Hồng rím chê lạt, cháo bồi khen ngon !
Anh làm cho bạn tóc tơ của anh sầu thảm, hát lên những giọng như khóc như than :
Gió đưa bụi chuối sau hè,
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ !

Ai làm cho dạ em buồn,
Cho con bướm lụy, chuồn chuồn lụy theo.

Lan huệ sầu ai cho nên lan huệ héo,
Lan huệ sầu chồng, trong héo ngoài tươi.

Nhưng cái ghen của thiếu phụ đây là ghen bình tĩnh êm thấm, của những người có giáo dục, chỉ biết khuyên chồng chớ mê say bóng sắc :

Trắng da vì bởi phấn đời

Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa.

mà phải xử sự cho tròn :

*Mối yêu thì cũ cũng yêu,
Mối có mỹ miều, cũ có công linh.*

Đôi khi, cảm vì lời khuyên chánh đáng của bạn tào khang và chán ngắt người tình nhân đồng đánh, anh chàng cương quyết thốt lời nghiêm khắc :

*Vợ ba con anh còn để bỏ,
Huống chi nàng ngọn cỏ phát phơ;
Ngọn có phát phơ, ngọn cò phơ phát.
Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi ;
Đôi ta duyên mãn tình rồi,
Bậu phân cho phải, lại rồi sẽ đi.*

Đức hy sinh của phụ nữ

Chẳng lẽ phải nói, độc giả cũng thừa hiểu rằng trong việc nội trợ tề gia, đức hy sinh của phụ nữ Việt Nam thật vô bờ bến :

*Chúng ta hãy nghe những câu hát sau đây :
Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng;
Có chồng phải lụy cùng chồng,
Đắng cay phải chịu mặn nồng phải theo.
Lên non thiếp cũng lên theo,
Tay vịn chân trèo, hái trái nuôi nhau.*

*Đi đâu cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.*

Cảnh chia ly

Nhưng nếu vì hoàn cảnh bắt buộc mà không được theo chồng, thì vợ lại an ủi :

*Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh nặng, mẹ già con thơ.*

Khi chồng đi vắng, các bạn nữ nhi không khỏi buồn lòng :

*Anh đi lưu thú Bắc thành,
Để em khô héo như nhành mai khô,
Phụng hoàng lẻ bạn sầu tư,
Em đây lẻ bạn cũng như phụng hoàng.*

Buồn thì buồn vậy, nhưng vẫn không quên nhiệm vụ khuyên chồng ra đi, tức là không ngại hy sinh vì chính nghĩa :

*Anh ơi phải lính thì đi,
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.*

Mấy câu hát trên đây có lẽ ra đời dưới thời Gia Long, vì sau khi thống nhất sơn hà, Gia Long còn bắt lính trong Nam đem ra Trung Bắc xây đồn đắp lũy.

Tổng trấn Gia Định thành lúc bấy giờ là Lê Văn Duyệt nhiều phen nhắc nhà vua thả lính về quê, bởi Gia Long có hứa ngày nào thâu phục cơ đồ thì lính Nam Việt được phóng

hồi hưu túc, song Gia Long tái tam khuyến dụ, chớ chưa chịu giải quân, làm cho chinh phụ ôm mối hận tình :

*Ra đi, em một ngó chừng,
Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao,
Mà chinh phu cũng gan bào ruột thắt :
Lên xe túc một tiếng còi,
Thương con nhớ vợ, lệnh đòi phải đi.*

*Tàu xúp lê một, còn thương còn nhớ,
Xúp lê hai, còn đợi còn chờ,
Xúp lê ba, tàu ra biển Bắc,
Tay vịn song sắt, giậm căng kều trời,
Đôi ta mới ngộ, (mà) ông trời đày đi xa.*

Và đây là thơ tín của anh “lính khổ xanh” dưới thời Pháp thuộc :

*Các một khúc sông kêu rằng cách thủy,
Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa,
Gởi thơ thăm hết nội nhà,
Trước thăm phụ mẫu sau là thăm em.*

Vợ chồng khuyên nhau

Những khi bóng ác xế tà hoặc đêm khuya canh vắng, vợ chồng thường khuyên bảo nhau nhiều câu thấm thía đậm đà :

*Muốn trong bậu uống nước dừa,
Muốn nên cơ nghiệp phải chừa lang vân.*

Tình vợ chồng không nên xao lãng :

*Tay búa đĩa muốn chén gừng,
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.*

Mỗi khi vợ đi xa thì chồng âu yếm dặn :

*Ra đi anh có dặn rằng,
Sông sâu đừng lội, đò đầy đừng sang.*

Vợ có làm hư hao đồ đạc trong nhà thì chồng vội vàng bảo :

*Rủi tay xáng bể ổ đồng,
Của chồng công vợ, bể rồi thời thôi !*

Về phần vợ thì không quên nhắc nhở chồng nên trọng đức hạnh hơn là nhan sắc :

*Củi tre dễ nấu
Vợ xấu dễ xài;*

Lấy chi (con) vợ tốt (nó) hành hài tâm thân.

Rủi chồng có vợ bé thì vợ lại khuyên :

*Lập vườn thì phải khai nương,
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.*

Vẫn biết ít nhiều bút nghiêng, đôi khi vợ hỏi chồng :

*Quân thần cang,
Phụ mẫu cang,
Phu thê cang,*

Em đố anh ba cang, cang nào là trọng ?

Chồng cũng là người xử sự vẹn toàn, đáp lại :

*Làm trai giữ trọn ba giềng,
Thảo cha ngay chúa, vợ hiền chó vong.*

Nhưng có khi gặp phải anh chồng chơi bời, lêu lổng, chẳng đoái hoài đến vợ con, vợ cũng chỉ biết giữ tròn đạo vợ :

*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo
Cao phi viễn tẩu đã nan toàn,
Anh có hung hoang đãng tử,
Em phú dữ ông trời vàng,
Em giữ trọn niềm phu phụ rõ ràng anh coi.*

Ly dị

Chắc độc giả cũng biết ở bất cứ nơi đâu, không phải người phụ nữ nào có gia đình cũng đều như ý nguyện, hạnh phúc dồi dào.

Nhiều khi, lâm vào cảnh bần hàn, thiếu phụ than thở qua hàng nước mắt :

*Tưởng lấy anh cho lành manh áo,
Lấy anh rồi bán áo nuôi anh.*

Cảnh như vậy thật là ái ngại nãy nùng !

Rồi từ chỗ ba gia cay nghiệt, đức ông chồng phóng túng chơi bời, đến cái sự ly dị nhau cũng chẳng xa chi mấy :

*Khó than khó thở, khó nổi phân trần,
Tóc không xe lại rồi, ruột không dân lại đau.
Trách ai ăn giấy bỏ bìa,
Khi thương, thương vội, khi lìa lìa xa.*

*Đồng hồ hư vì bởi giây thieu,
Xa anh vì bởi chỉ điều xe lơi.*

Chàng cũng chỉ biết than thở cho tình duyên ngắn ngủi :

*Kiểm hư để vậy sao đành,
Ra tay sửa kiếng, không thành thì thôi.*

Trong thâm tâm, chàng không khỏi tự thú :

*Cục đá lăn nghiêng lăn ngửa,
Khen ai khéo sửa,
Cục đá lăn tròn;*

Giận thời nói vậy, dạ (anh) còn thương em.

Rồi khi thiếu phụ sửa soạn về nhà cha mẹ, yêu cầu chồng một chuyện nhỏ nhen :

*Ví dầu tình chẳng yêu đang,
Xin đưa thiệp xuống đò ngang thiệp về.*

Và xin một vật chi để làm kỷ niệm :

*Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả đôi vàng thiệp xin.*

Đưa nàng trở về cha mẹ vợ, chàng khuyên lớn :

*Tại mẹ cha dứt tình tơ nguyệt,
Khuyên em đừng trực tiết uổng công.*

Chàng phải buột lòng quên tình trọng hiếu, vì lẽ :

*Mẹ với cha thật là khó kiếp,
(chó) Đạo vợ chồng chẳng hiếm chi nơi.*

Lời khuyên ấy chỉ làm cho thiếu phụ đau đớn tâm can :

*Qua cầu than thở cùng cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ (em) sầu bấy nhiêu !
Về quê xưa, chị em lạt lẽo, hàng xóm chê bai :*

*Mèo lành ai nữ cắt tai,
Gái hư chồng để, khoe tài với ai.*

Nàng một lòng thệ quyết, trọn đời chẳng ôm cầm thuyền ai, mặc dầu chàng khuyên nàng đừng trực tiết :

*Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng,
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai !*

4) Phong Tục Thôn Quê

4.1) Phong tục tổng quát

Mặc dầu ca dao Nam Việt chuyên tả tình tả cảnh, song ca dao còn là tiếng nói của các bạn bình dân, nó là sản phẩm của đồng ruộng, của làng mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản ảnh cả phong tục tập quán của dân quê ta vậy.

Bởi thế cho nên, chúng tôi dành riêng một mục, mục thứ tư này, để nhắc lại những câu ca dao mô tả đời sống và tâm lý của đồng bào chốn thôn quê, vì ở đây, ta mới thấy rõ những tính tình chất phác, những đức tính cố hữu của giống nòi.

Dân ta thuở trước cũng như dân quê bất cứ nước nào, vẫn có nhiều thành kiến sai lầm như :

*Con vua thì đừng làm vua,
Con sãi ở chùa đi quét lá đa.*

và dị đoan :

*Mông năm mười bốn hăm ba,
Cũ ba ngày ấy đừng ra đi đường.*

Họ còn nghiêm cấm con, không cho con làm nghề hát bội :

*Tròng trầu tròng lộn với tiêu,
Con theo hát bội mẹ liều con hư.*

vì cho “xướng ca vô loại” :

*Ví dầu cá bóng xích đu,
Tôm càng hát bội, cá thu cầm chầu.*

Trong chương phong tục này, chúng tôi xin thêm vài câu nhận xét về tình tượng :

*Mười ba trăng lặn gà kêu,
Mười bốn trăng lặn gà đều gáy tan.*

*Đêm khuya thức dậy xem trời,
Thấy sao bên Bắc đối đời qua Nam.*

*Sao hôm chờ đợi sao Mai,
Trách lòng vao Vượt thương ai băng chùng*

và thời tiết :

*Chuồn chuồn bay thấp trời mưa,
Bay cao trời nắng đập dùa em ăn.*

Đất nào có thổ sản nấy, cho nên có câu :

*Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng,
Về bưng ăn cá, về đồng ăn cua.*

Đồng bào ta bao giờ cũng thường vui sống, như chỉ mong đến Tết để được thỏa thích ăn chơi :

*Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè ;
Cũng lại có một tin tưởng lạ đời về đất Nam Vang :
Nam Vang đi dễ khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con !*

Ca dao với thương mại

Hẳn độc giả còn nhớ, sử chép rằng năm 1679, bọn người Tàu là Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn với ban ngàn tướng sĩ Long Môn, vì không chịu làm tôi nhà Mãn Thanh, nên rời Trung Quốc đem chiến thuyền sang thần phục nước ta.

Chúa Nguyễn Hiền Vương cho họ vào ở đất Đông Phố (Gia Định) mà khai thác ruộng nương, lập làng xã, buôn bán ở Biên Hòa và Định Tường.

Người Tàu vốn có tài thương mại, đã thế, đồng bào miền Nam lại sẵn đồng ruộng phì nhiêu, ăn no mặc ấm, thì còn tranh thương với họ làm chi !

Vì vậy, chúng ta chỉ gặp lơ thơ vài ba câu ca dao nói về thương mại, mà người hoan nghinh thương mại lại là phần ít :

*Đạo nào bằng đạo đi buôn,
Xuống biển lên nguồn, gạo chợ nước sông.
Còn phần đông thì đối với thương mại rất lãnh đạm thờ ơ :
Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi,
Buôn bán không lời, chèo chống mới mê.*

*Anh đi nghe cá mũi son,
Để em đươn đệm cho mòn móng tay.
Đàn ông không thích nghề thương mại, chỉ để cho phụ nữ buôn bán nhỏ nhỏ mà thôi :
Chợ Dinh bán áo con trai,
Chợ trong bán chỉ, chợ ngoài bán kim.*

Ca dao xem tướng

Dân ta lại có tục xem tướng đoán người. Tuy là chuyên nghề ruộng rẫy, tay lấm chơn bùn, song dân ta cũng lo nghĩ đến tương lai, nên cố xem tướng.

Dựa vào kinh nghiệm, ca dao tin rằng những người sau đây là vô duyên :

*Vô duyên chưa nói đã cười,
Chưa đi đã chạy, là người vô duyên.*

Ca dao lại khuyên một điểm son cho đàn ông rộng miệng :

*Đàn ông rộng miệng thì sang,
trái lại :*

*Đàn bà rộng miệng, tang hoang cửa nhà.
Tả người đàn bà hiền đức thì :*

*Những người thất đáy lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con.*

Những người “lỗ mũi hếch lênh” thì sao ?

Thì :

Của xe chất lại một bên cũng nghèo.

Chắc ta cũng để ý đến những người :

*Nhân trung sâu tựa như đào,
Danh vang trên thế, anh hào ai đương.*

và những kẻ :

Đầu mày mà lại dựng ra,

thì :

Có gan có ruột, gian tà vốn không.

Ca dao nói như vậy chẳng biết có đúng hay không, xin nhường lời phê phán cho các vị “ma y thần tướng”.

5) Ngoài Xã Hội

5.1) Luận anh hùng

Trong mục này, chúng tôi xin trình bày những câu ca dao có liên quan đến đời sống xã hội.

Nước ta có một dĩ vãng vẻ vang với những trang sử oai hùng, dân ta từ ngàn xưa đã hăng hái đấu tranh để bảo vệ non sông đất nước.

Vậy những câu ca dao ca ngợi chí khí anh hùng tiết tháo người quân tử chẳng phải là ít :

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*

hoặc :

*Đem chuông đi đánh xứ người,
Chẳng kêu cũng đánh một hồi cho kêu.*

hay là :

*Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai.
Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài yên.*

Những bậc tu mi như thế này mới đáng kính đáng phục cho :

*Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.
Tưởng là đá nát thì thôi,
Hay đâu đá nát nung sôi lại nòng.*

Danh thơm của các anh hùng quân tử tỏa ra khắp bốn phương trời :

*Bông thơm giắt trước mái hiên,
Gió nam thổi lọt cửa huyền cũng thơm.*

Dầu cơ thất vận đi nữa, người chí sĩ vẫn giữ được phong độ hiên ngang, không chịu vào luồn ra cúi cho vinh thân phì gia :

*Chim quỳên xuống đất ăn trùn,
Anh hùng lỗ vận lên rừng đốt than.*

Còn đây là thái độ cao cả của kẻ trượng phu :

*Đáng trượng phu đừng thù mới đáng,
Đáng anh hùng đừng oán mới hay.*

5.2) Đoàn kết

Tuy nhiên, một dân tộc có chí khí cũng khó mà thành công, nếu không biết đoàn kết, vì đoàn kết thì sống mà chia rẽ là chết :

*Non cao ai đắp mà cao
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu.*

Đó là công trình của cả một thế hệ.

Mọi người trong xứ đối với nhau đều có quan hệ mật thiết :

*Sấm bên đông, động bên tây,
Tuy rằng nói đó nhưng đây động lòng.*

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước hãy thương nhau cùng.*

*Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

*Muốn cho có đó có đây,
Sơn lâm chưa để một cây nên rừng.*

*Ở cho phải phải phân phân,
Cây da cậy thần, thần cậy cây da.*

5.3) Thế Sự

Trọng phú khinh bần

Về thế sự, ca dao ta có nhiều câu giản dị nhưng nhuộm màu triết lý.

Nếu sách Nho có câu : “Sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan”, thì ca dao cũng mỉa mai kẻ giàu mà thô lỗ và những ai khuất phục trước đồng tiền :

*Vai mang túi bạc kè kè,
Nói vầy nói vá chúng nghe rầm rầm.*

“Vạn sự chỉ tiền ư”, người xưa nói như thế. Tiền chi phối tất cả, có tiền xấu cũng ra tốt, không tiền, hiền cũng hóa ngu ; bà con xa nhau, xa lạ thân nhau cũng vì tiền !

Nếu cụ Tiên Điền có câu :

*Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền !*

Thì dân ta cũng thốt ra những lời ta thán :

*Mồ cha cái áo rách này,
Mất chúng mất bạn vì may áo ơi !*

*Giàu sang nhiều kẻ tới nhà
Khó khăn nên nổi ruột rà xa nhau.*

Nào có khác gì câu chữ Nho

*Bần cư náo thị vô nhân vấn
Phú tại sơn lâm hữu khách tầm.*

mà chúng tôi xin tạm dịch :

*Nghèo ngồi giữa chợ, không ai hỏi,
Giàu ở non xanh, có kẻ tìm.*

Thậm chí việc cúng giỗ là bổn phận của cháu con đối với người quá cố mà cũng có thể chịu ảnh hưởng kim tiền :

*Cồng cọc bắt cá dưới sông,
Mấy đời cháu ngoại giỗ ông bao giờ.*

*Cồng cọc bắt cá dưới bầu,
Ông ngoại nó giàu nó giỗ heo quay.*

Sách nho có câu :

*Phú quý đa nhưn hội,
Bần cùng bà nội cũng xa.*

Anh em ruột đối với nhau, ai cũng giữ gìn tu lợi :

*Giàu cha giàu mẹ thì ham,
Giàu anh giàu chị ai làm nấy ăn.*

Cho đến nỗi trong tình nghĩa vợ chồng cũng có tiền bạc xen vào :

*Còn tiền còn bạc, còn vợ còn chồng,
Hết tiền hết bạc, tờ hồng hết xe.*

Lòng người bạc đen

Người ta thường nói :

*Nhơn tâm lãnh noãn,
Thế sự đê cao.*

(Lòng người ấm lạnh, sự thế thấp cao)

Dân ta không quên nghiệm xét tâm lý ấy nên đã có câu :

*Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai.*

Cũng như câu :

*Trường đồ tri mã lục,
Sự cứu khiến nhưn tâm.*

mà ca dao ta có câu tương tự :

*Thức đêm mới biết đêm dài,
Sự lâu mới biết lòng người bạc đen.*

Nhưng mà, khó thay :

*ở sao cho vừa lòng người,
ở rộng người cười, ở hẹp người chê.*

Lòng người thường hay thiên lệch, cho nên :

*Yêu nhau yêu cả đường đi,
Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.*

và :

*Thương nhau cau sáu bữa ba,
Ghét nhau cau sáu bữa ra làm mười.*

Đối với thái độ nhỏ nhen như thế, ca dao nghiêm khắc bảo rằng :

*Thương người khác thể thương thân,
Ghét người khác thể vun phân cho người.*

Mẹ ghẻ đối với con chồng thường hay cay nghiệt nên ca dao ta phê bình có lúc rất gắt gao :

*Mẹ gà con vịt chất chiu,
Mấy đời mẹ ghẻ nâng niu con chồng.*

*Mấy đời bánh đúc có xương,
Mấy đời dì ghẻ mà thương con chồng.*

Sự hẹp lòng, tánh ích kỷ của ít nhiều mẹ ghẻ làm cho, về phần tình cảm, mấy bà con thua cả gà mẹ săn sóc đàn vịt con, mặc dầu khác loại :

*Trách ai dặng cá quên nơm,
Dặng chim bẻ ná, quên ơn vôi thù !*

*Tiếc công xúc tép nuôi cò,
Cò ăn cò lớn, cò dò lên cây.*

Đây là cảnh bằng hữu phụ nhau :

*Gió đưa cây cải về Trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.*

Cũng bởi thế nhân thường khinh bần trọng phú, giả dối tinh ma, nên dân quê ta, tuy là chất phác, nhưng cũng rất thận trọng trong việc xã giao :

*Nói đầy đưa cho vừa lòng bạn,
Sông giang hà chỗ cạn chỗ sâu.*

*Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa.*

*Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai bẻ thước mà đo lòng người.*

và cũng chọn bạn mà kết giao :

*Chữ rằng họa phúc vô môn,
Tìm giàu thì dễ tìm khôn khó tìm.*

Là vì :

*Ròng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.*

Nguyên nhân

Muôn sự ở đời đều có nguyên nhân :

Không có nhân sao có quả ? Không có lửa sao có khói ?

Trên chúng tôi có nhắc câu :

*Trống treo ai dám đánh thùng,
Bậu không ai dám giở mùng chun vô !*

Chúng tôi xin thêm :

*Chó đâu chó sủa lỗ không,
Không thằng ăn trộm, cũng ông ăn mày,*

và :

*Lập nghiêm ai dám đến gần,
Bởi quan sàm sỡ nên dân nó lờn.*

*Người trên ở chẳng kỷ cương,
Khiến cho kẻ dưới làm đường mây mưa.*

5.4) ảnh hưởng Nho Thích

Trong chương “Hiếu Hạnh”, chúng tôi đã kể câu ca dao :

*Thứ nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*

Chưởng phước điền

Và cũng vì ảnh hưởng của Khổng Giáo mà dân ta đánh giá sự làm phước, bố thí cho người, còn hơn là việc vào chùa gõ mõ tụng kinh :

*Dẫu xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phước cứu cho một người.*

Nhân dân cũng biết trọng thân danh, nhân vị, cho nên có câu :

*Người ta ba thứ người ta,
Người thì tiền ruồi, người ba mươi đồng.*

lại sợ tiếng đời khen chê :

*Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Luật vô thường

Tuy nhiên, tinh thần Phật Giáo cũng thấm nhuần tất cả các tầng lớp dân chúng, nên dân ta xem vạn vật là vô thường, không nên lưu luyến :

*Trong đời gì đẹp bằng sen;
Quan yêu dân chuộng rã bèn cũng hư.*

*Người đời khác thế phù du,
Sớm còn tối mất công phu lỗ làng.*

Thuyết nhơn quả

Tin ở thuyết nhơn quả, ta nhận xét rằng :

*Ông cha kiếp trước khéo tu,
Nên sanh con cháu vông dù nghinh ngang.*

*Đời xưa trả báo làm chày,
Đời nay trả báo một giây nhả tiền.*

An phận tùy duyên

Lại cũng vì tiêm nhiễm Khổng Giáo và Phật Giáo mà dân ta an phận, đối với bả vinh hoa mỗi phú quý không mấy quan tâm, không bòn tro đãi trấu để làm giàu, không toan tính mưu thần chúc quý để góp nhặt, mọi việc đều trông cậy ở Trời :

*Cây khô tưới nước cũng khô,
Vận nghèo đi đến xứ mô cũng nghèo.*

Có người lại hoàn toàn phú cho định mạng :

*Số giàu tay trắng cũng giàu,
Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.*

Trái lại, một phần lớn dân ta, vừa tin tưởng nơi vận mạng, vừa chăm lo công việc làm ăn :

*Đại phú do thiên, tiểu phú do cần,
Giàu nhỏ hay mần, giàu lớn trời cho.*

Mấy cụ đồ thường bảo :

*Tấn vi quan, thối vi sư
và : Công thành thân thối, thiên chi đạo
là vi : Phú quý tự môn tiền tuyết
còn : Công danh như thảo thượng sương*

mà hễ nắng lên thì tuyết cũng tiêu, sương cũng tán.

Pháp văn có câu tục ngữ : “La roche Tarpéienne est près du Capitole” (Hòn Tarpéienne kế cận Capitole). Capitole là đền thờ thần Jupiter, trên núi Capitolin ở Cổ La Mã. Gần đó có hòn Tarpéienne. Những tướng quân thắng trận thì lên đền Capitole, còn những kẻ phản quốc thì bị từ trên hòn Tarpéienne mà xô xuống.

Thật là họa phúc và vinh nhục ở bên nhau. Cho nên ca dao ta có câu, nghĩa cũng tương tự :

*Càng cao thì gió càng lay,
Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.*

và :

*Nào khi lên võng xuống dù,
Kêu dân, dân dạ, bây giờ dạ dân.*

5.5) Châm biếm hài hước

Tuy là châm biếm tinh thần Nho Thích và an phận tùy duyên, song trong việc tiếp xúc với đời, bấm tính vui vẻ, trọng sự thật của dân ta hay lộ ra trong những câu ca dao châm biếm và hài hước.

Anh hùng rơm

Đối với những người đánh phách, hay chưng anh hùng một rằng ta đây, hai rằng ta đây, dân quê ta nhẩn nhủ :

*Anh hùng gì, anh hùng rơm,
Ta cho mớ lửa, hết chưng anh hùng.*

và “có tài có mỏ thì gõ với người ta” :

*Khôn ngoan đá đáp gà ngoài,
Gà cùng một mẹ chó hoài đá nhau.*

Hay gì những kẻ xưng hùng xưng bá sau lũy tre xanh mà hà hiếp dân lành ! Dân ta hăm he một câu đích đáng :

*Gà cồ ăn quần cối xay,
Rau răm muối ớt, xé phay gà cồ !*

Xét mình, xét người

Với người hay phê bình, chỉ trích, trách bị cầu toàn thì ta có câu :

*Chơn mình còn lấm mê mê,
Lại cầm bó đuốc mà rê chơn người.*

Còn những kẻ hay khoe khoang là xuất chúng, thì dân ta hỏi móc :

*Đèn khen đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió được chăng, hỏi đèn ?*

*Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Có sao trăng phải chịu luồn đám mây ?
ở đời khiêm nhượng là quý, phách lối làm gì ?*

Cùng một ý nghĩa ấy, những cô gái khéo mình chính chuyên, song vô có mà “chữ liễu – nay đà nảy nét ngang –” (chữ tử), thì người ta không khỏi lấy làm lạ :

*Chuối cây mình là chuối đồng trinh,
Chuối ở một mình sao chuối có con ?*

Những ai khoe giàu hãy nghe đây :

*Khoan khoan quần tía xuống màu,
Dây lưng mua chịu khoe giàu với ai.*

Ca dao ta cũng không tha những người tham công tiếc việc :

*Cơm ăn không hết thì treo,
Việc làm không hết thì kêu lảng diềng.*

Chồng già vợ trẻ :

*Tiếc thay con gái mười ba,
Liều thân mà lấy ông già sao đang !*

*áo dài chẳng nệ quần thưa,
Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm.*

Vợ già chồng trẻ :

*Chồng già vợ trẻ là duyên,
Vợ già chồng trẻ là tiền là xu.*

Chồng dại vợ khôn :

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo.*

*Tiếc đứa con gái khôn lấy thằng chồng dại,
Cũng như bông hoa lài cặm bãi cứt trâu.*

Những người vô ích :

Trong những đình đám, giỗ chạp, có những anh những chị hà rúa, lảng xảng, mà không giúp ích gì cho ai :

*Có mợ thì chợ cũng đông,
Không mợ thì chợ cũng không bữa nào !*

Nỗi oan :

Tả nỗi oan của người vô can, nhân dân ta hát :

*Con mệp đập bể nồi rang,
Con chó chạy lại phải mang lấy đòn.*

Vụng về :

Tặng con gái vụng về bép núc, ta có câu :

*Khen ai khéo nấu nồi chè,
Đã ngon lại ngọt, có mùi khê khê (khét).*

Vô phúc :

Còn ai lâm vào tình cảnh của anh nông phu sau đây chắc là bực lắm :

*Thứ nhứt vợ dại trong nhà,
Thứ hai trâu chậm, thứ ba rựa cùn.*

Độc ác :

Những người hung dữ hãy xem câu này mà suy gẫm :

Trời sanh hùm chẳng có vây,

Cho hùm có cánh hùm bay lên trời.

Với một câu nôm na, dân ta vạch hết cái nham hiểm, giả dối, của những người mặt miêng gương lòng :

Ngoài miệng thì tụng nam mô,

Trong bụng lại chứa một bồ dao găm !

Câu này có thể sánh, về ý nghĩa, với một bài tiểu thi sau đây của Voltaire tiên sinh :
L'autre jour, au fond d'un vallon,

Un serpent pique Jean Freron ;

Savez-vous ce qu'il arriva ?

Ce fut le serpent qui creva.

Chúng tôi xin tạm dịch :

Ngày kia, trong trũng, hồ mang

Vô duyên cắn phải anh chàng Phê-Rông,

Quý bạn đọc biết sao không ?

Hồ mang ta lại âm cung mò về !

Thật máu thịt của anh Phê-Rông nào đó còn độc hơn nọc độc của chú hổ mang !

Cho hay, Đông Tây đã vô tình gặp nhau trong câu văn châm biếm.

Mật ít ruồi nhiều :

Khi thấy chỉ có một cô thôn nữ mà bao nhiêu anh nông phu thả lá đề thơ, thì dân ta mỉm cười :

Gãm trong thế sự nực cười,

Một con cá lội, bao người buông câu.

Người đẹp :

Sau đây, ta hãy nghe đứa nhỏ khoe cha nó đẹp :

Con cò nó mổ con lươn,

Bó chị ghe lườn muốn tía tôi không ?

Tía tôi lịch sự quá chừng,

Cái lưng tám thốt, cái đầu chôm bôm.

Cuộc lộn sòng :

Và đây là một cuộc lộn sòng :

Chị kia hót tóc cánh tiên,

Chồng chị đi cưới một thiên cá mèi.

Không tin giở hộp ra coi,

Rau răm ở dưới, cá mèi ở trên !

Hỏi khó :

Sau cùng, chúng tôi xin cống hiến độc giả vài câu đố khó trả lời :

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?

Núi bao nhiêu tuổi, gọi là núi non ?

Đố anh con rết mấy chân ?

Tàu ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người ?

Đố ai biết lúa mấy cây,

Biết sông mấy khúc, biết cây mấy từng ?

Đố ai quét sạch lá rừng ?

Để ta khuyen gió, gió đừng rung cây.

*Đố ai biết biển bao sâu ?
Biết sông mấy khúc, biết cầu mấy nơi ?*

*Chim bay mỗi cánh chim ngời,
Đố ai bắt đặng chim trời mới ngoan.*

*Con mèo không rách sao kêu mèo vá ?
Con cá không thờ sao gọi cá linh ?*

*Thấy anh hay chữ em hỏi thử một lời :
Thuở tạo tiên lập địa ông Trời ai sanh ?*

Thật là những câu đố oái oăm thay !

6) Những Câu Hát Vặt

6.1) Ca dao xuất xứ nơi tác phẩm

Như chúng ta đã biết, truyện Kiều của Nguyễn Du được đồng bào Trung Bắc hoan nghinh bao nhiêu thì thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu trong Nam Việt cũng được công chúng thích đọc bấy nhiêu, đọc đến thuộc lòng, và rút trong thơ ấy nhiều câu để làm ca dao truyền tụng :

*Có thân thì khổ với thân,
Than ôi, thân biết mấy lần gian nan.*

*Nên hư có số ở Trời,
Bôn chôn sao khỏi, đổi đời sao xong.*

Những câu này đượm màu triết lý Thích Nho; còn mấy câu sau đây tỏ thái độ của một thiếu nữ, như Võ Phi Loan, vị hôn thê của Vân Tiên, khinh bạc chàng thanh niên vận bị không xứng đáng kết duyên cầm sắt với mình :

*Ai cho sen muốn một bồn,
Ai cho cam quýt sánh cùng lựu lê.*

*Gối rơm theo phận gối rơm,
Có đâu dưới thấp mà chòm lên cao.*

6.2) Nhàn du

Chẳng phải dân ta, quanh năm cuối tháng, chỉ quanh quẩn trong miền rẫy bãi đồng quê, mà cũng có người thích :

*Đi cho biết đó biết đây,
vì lẽ : ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.*

Mênh mông bốn biển năm hồ, thỏa thích chí nam nhi vùng vẫy :

*Rộng đồng mặc sức chim bay,
Biển Hồ lai láng mặc tình cá đua.*

Lại sánh mình với chim bằng bay vạn dặm, một khi gió lớn nổi lên :

Kinh ghê vui thú kinh ghê,

Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.
Tánh tình phóng thoáng, khách chẳng luận sang hèn, miễn tang bồng phí chí thì thôi :
Dạo chơi quán cũng như nhà,
Lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói tô.

Người thường nói :

Làm thần đất ta, làm ma đất người.
Nên đi xứ xa thì phải nhẫn nhịn :
Tôi đây lạ cảnh lạ người,
Trăm bề nhẫn nhịn đừng cười tôi quê.

Tôi đây xứ sở lạ lòng,
Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng kinh.
Và sau khi châu du khắp xứ, khách không quên đất tổ quê cha :
Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục ao nhà cũng hơn.

6.3) Câu hát trẻ em

Đoạn ba này chúng tôi dành cho ca dao của trẻ em, mặc dầu là ngẫu thơ, không văn hoa bóng bẩy, song hàm chứa rất nhiều tình cảm, ý vị mỉa mai và đôi khi cũng có phần triết lý. Độc giả xem đây :

Ro re nước chảy dưới đèo,
Bà già lật đật mua heo cưới chồng ;
Cưới về chồng bỏ chồng đông,
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo.

Con mèo, con mèo, con meo,
Ai dạy mày trèo, mày chẳng dạy tao ?

Con quạ nó đứng đầu cầu,
Nó kêu bỏ má lấy trầu khách ăn.

Ví dầu cá bóng hai hang,
Cá trê hai nghạnh, tôm càng hai râu.

Rủ nhau xuống biển bắt cua,
Bắt cua cua kẹp, bắt rùa rùa bơi.

Ví dầu tình bậu muốn thôi,
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra.
Bậu ra bậu lấy ông câu,
Bậu ăn cá bóng chặt đầu kho tiêu.

Kho tiêu kho ớt kho hành,
Bỏ ba lượng thịt để dành em ăn.

Má ơi, con vịt chết chìm,
Thò tay (tôi) vớt nó, cá kìm cắn tôi.

*Em tôi khát sữa bú tay,
Ai cho bú thép ngày rày mang ơn.*

*Ai đem con sáo qua sông,
Cho nên con sáo xô lòng bay xa.*

*Bồng em đi dạo vườn cà,
Cà non chám mắm cà già làm dưa.
Làm dưa ba bữa chưa chua,
Chị kia xách đĩa lại mua ba tiền.*

*Bồng em đi dạo vườn dưa,
Dưa đã có trái, chị chưa có chồng.*

*Chị Xuân đi chợ mùa hè,
Mua cá thu về, chợ hãy còn đông.*

*Chị Hươu đi chợ Đồng Nai,
Bước qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.*

*Ví dàu ví dẫu ví dâu,
Ăn trộm bẻ bầu, ăn cướp hái dưa.*

*Bắc cầu cho kiến leo qua,
Cho dâu ông xã qua nhà tôi chơi.*

*Chiều chiều vịt lội cò bay,
Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng.
Vô rừng bút một sợi mây,
Đem về thất giống cho mầy đi buôn.*

*Đi buôn thiếu vốn anh giùm,
Ở nhà chi đó chú trùm chú ve.*

*Con quạ nó đứng chuồng heo,
Nó kêu bó má bánh bèo chín chưa ?*

*Em tôi buồn ngủ buồn nghề,
Con tầm đã chín, con dê đã muôi.*

Câu hát này có người cho là sai và sửa lại như vậy :

*Em tôi nằm ngủ chưa mê,
Con này chưa chín, con tê dậy ngòi.*

*Chị kia bới tóc đuôi gà,
Nắm đuôi chị lại hỏi nhà chị đâu,
Nhà tôi ở dưới đám dâu,
Ở bên đám đậu đầu cầu ngó qua.*

*Ngó qua Chợ Lớn làm chay,
Thỉnh ông Tiêu Diện, thỉnh bà Quan Âm.*

Mấy em đồng quê tỏ cảm tình với anh nông phu vì nghèo mà chưa dám lo bề gia thất :

*Than rằng nhà dột cột xiêu,
Muốn đi cưới vợ, sợ nhiều miệng ăn.*

Mấy em lại trở trêu, đánh trống qua cửa sấm :

*Ai về nhắn với ông cầu,
Cá ăn thì giutt, để lâu hết mồi.*

Nhưng có lẽ câu hát ấy có một ý nghĩa sâu xa khác chỗ chẳng không.

Mấy em cũng biết thương loài vật, phủ nhận một thi sĩ kia có thành kiến rằng : “Tuổi ấu thơ không biết xót thương” :

*Chiều chiều bắt kết nhỏ lông,
Két kêu bó chị, chị đừng bắt nhân.*

Các em lại có quan niệm về thần quyền :

*Bắt con ô thuốc đội cầu,
Cho bà Thánh Mẫu về chầu Thượng Thiên.*

Câu sau đây tả cảnh Sài Gòn mấy mươi năm về trước :

*Mười giờ tàu lại Bến Thành,
Xúp-lê vội thổi, bộ hành lao xao.*

Đối với chú cá, mấy em có lời phê bình ngộ thay :

*Cá không ăn câu thật là con cá dại,
Vác cần câu về nghĩ lại con cá khôn.*

Sau cùng, đây là lời than của đứa trẻ mồ côi cha mà mẹ lại toan bước thêm bước nữa :

*Trời mưa bong bóng bập bồng,
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai ?*

Người mẹ nào nghe con hát câu ấy mà đành đoạn bỏ con đi lấy chồng !

6.4) Thai đố

Để chấm dứt thiên khảo cứu này, chúng tôi hân hạnh cống hiến độc giả một số câu ca dao mà khi cấy lúa dưới ruộng, lúc giã gạo trong sân, nông phu nam nữ thường dùng để đố nhau, những câu bao hàm ý tứ ngộ nghĩnh và răn đời :

*Ba đồng một chục đàn ông,
Ta bỏ vào lòng ta xách ta chơi.*

Thật là đàn ông ta rẻ quá !

Xuất vật dụng : Cái rẻ rẻ.

*Trời mưa vằn vữa, bạn cũ xa rồi,
Biết ai nương tựa lần hồi tấm thân !*

Tình cảnh của người như thế thật là thê thảm đáng thương !

Vật dụng gì ? Ấy là than (than củi)

*Chúng chị là gái chung vàng,
Đứng trên đỉnh núi thì ngang với Trời.*

Các cô này lối quá, dám khoe mình cao như Trời.

Vậy thai đố vật gì ? Cái phách (hồn phách) hay cặp phách (một nhạc khí)

*Tới đây ăn gỏi năm nhờ,
Ơn ông chưa trả lại rờ con ông.*

Rõ là con người vô hạnh, phản phúc.
Xuất vật dụng : Cái phăng.

*Đầu ròng đuôi phụng le the,
Mùa Xuân ấp trứng, mùa Hè nở con.*

Xuất mộc : Buồng cau

*Em thì đi cấy ruộng bông,
Anh đi cắt lúa góp công một nhà.
Đem về phụng dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.*

Thật anh em nhà ấy nêu một cái gương cần lao và hiếu thảo tỏ rạng cho đời soi chung.
Như vậy, thai xuất vật gì đây ? Cái gương soi.

*Bao nhiêu lá rụng quét dồn,
Bao nhiêu nợ bạn hãy gồm trả cho.
Bằng hữu như thế mới là hảo tâm cho, thay thế bạn mà trả hết nợ nần.
Vật dụng gì ? Cái bao hay cái hồ bao.*

*Cha già đã tám mươi tư,
Ngày ngày gồng gánh còn dư sức bừa.*

Ông già này thật quái thuốc, mạnh mẽ ai bằng.
Một nhân vật có danh Thầy Mạnh.

*Non cao ai đắp mà cao ?
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu ?*

*Đi đâu mà chẳng thấy về ?
Hay là quần tía dựa kê áo nâu ?*

Trong hai câu đều có lời hỏi. Bánh gì ? Bánh hỏi.

*Bấy lâu phong kín nhụy đào,
Bây giờ khác thể hàng rào lâu năm !*

Cái hàng rào lâu năm đã hư mục rồi còn chi !
Xuất vật dụng : Cái quả hư.

*Em dòn, anh quá si mê,
Em già, anh lại nhún trề, bỏi đâu ?*

Con cá gì ? Cá chán.

*Ta đâu há dễ chịu nghèo,
Hóa công dầu định, mấy đèo cũng băng.*

Thật là một gương cương quyết, chống lại với định mạng.
Một loài rau : Rau cải trời.

Con đeo con thẹo con bông,

A, B chưa biết, xin (với) chồng học chơi.

Trái gì ? Trái me dốt (me là mẹ)

*Không hương nhưng lại đỏ lòng,
Mỗi đêm hé mở, bướm ong khó gần.*

Loại hoa này kỳ lạ, bướm ong gần chỉ thiêu thân chó không được thưởng thức đâu ?
Hoa gì ? Hoa đèn.

*Ngoại khoa cứu cấp dân đoàn,
Sao tra tiếng dữ cho chàng vậy vầy !*

Xuất điều : Con gà ác.

Gà ác nấu cháo lá dâu ăn bổ và trị được bệnh ban, thế mà ta cho anh chàng cái tên “ác”
nghĩ có oan không ?

*Nửa trăng phân rẽ đầu chồng,
Một bầy con trẻ ẵm bồng trên tay.*

Câu này tả hình trạng cái quạt giấy rất rõ ràng.

Còn chán vụn câu ca dao dùng làm thai đố nữa, soạn giả không tiện chép hết ra đây, sợ
e độc giả xem nhiều sanh chán.

Kết Luận

Trên đây, chúng tôi chỉ lược khảo một số câu ca dao, tất không khỏi có nhiều thiếu sót.

Tuy nhiên, như độc giả thấy, ca dao ở Nam Việt vô cùng phong phú dồi dào, phổ cập đến tất cả vấn đề trong xã hội, lại tả cảnh tả tình một cách khéo léo chân thành, hợp thành một kho tàng văn chương bình dân vô giá.

Không những đó là một kho ngôn ngữ do toàn dân cấu tạo dần dần qua các thời đại, một nguồn cảm hứng vô song của các tâm hồn nghệ sĩ, một tấm gương trong sáng phản ảnh cả phong tục của giống nòi, mà còn là những tài liệu sống để hiểu biết những nỗi vui, buồn, mừng giận, những nguyện vọng bồng bột hay thầm kín của đồng bào.

Đó là tiếng gọi của dân quê, linh hồn của dân tộc, không có thứ văn chương nào hơn được.

Bởi thế cho nên, nhiều nhà văn đã không ngần ngại gọi ca dao ta là “Kinh Thi Việt Nam” và khuyến khích người san định.

Vui sống độc lập tự do trên đây non sông gấm vóc, chẳng những chúng ta nên kính cẩn, âu yếm, bảo tồn kho tàng ca dao, mà còn phải hưởng ứng lời kêu gọi của các văn gia thi sĩ nói trên mà gắng công góp sức, sưu tập quyển “Kinh Thi Việt Nam” gồm đầy đủ ca dao Nam Trung Bắc, với nơi xuất xứ và ý nghĩa của mỗi câu.

Trong lúc nước Việt Nam chấn hưng đủ mọi ngành, lẽ nào chúng ta lãnh đạm, thờ ơ, mà không tùy sức tùy tài, tham gia công việc chấn hưng kiến thiết, chẳng hạn như góp công xây dựng nền văn hóa nước nhà, vì chẳng những đó là phận sự của chúng ta, mà như thế, ta cũng được tỏ chút lòng yêu mến quê hương và nêu cao tinh thần dân tộc.

Hết

Sài Gòn, ngày rằm tháng tám năm Mậu Tuất

27/9/1958